

Bản án số: 61/2020/HS-ST

Ngày 23 / 12 / 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thái Chí Bình.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Đặng Thị Kim Xuyên;

Ông Ngô Văn Mừng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Kiệt.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Lê Hoàng Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 50/2020/TLST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2020/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Ngọc L (L), sinh năm 1979, tại huyện C, tỉnh An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm rẫy; trình độ văn hoá (học vấn): 05/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc C (đã chết) và bà Nguyễn Thị K (đã chết); có vợ là Lê Thị Phượng K (không đăng ký kết hôn); sau đó, sống chung với Tô Thị H2 (có đăng ký kết hôn) và 03 người con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2016;

Tiền án, tiền sự: chưa;

Bị tạm giữ từ ngày 27/9/2020 đến ngày 03/10/2020 chuyển tạm giam cho đến nay; có mặt.

**- Bị hại:** Bà Lê Thị Kim H, sinh năm 1965; nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Ông Trương Văn T, sinh năm 1965; nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

**- Người làm chứng:**

- + Ông Trần Văn H; vắng mặt.
- + Ông Lê Phước S; vắng mặt.
- + Ông Nguyễn Văn B; vắng mặt.
- + Ông Trần Văn L1; vắng mặt.
- + Ông Đinh Hoàng P (Đạt); vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài, khoảng 23 giờ ngày 26/9/2020, Trần Ngọc L đi bộ từ nhà ở ấp K, xã K, đến ấp L, xã L, huyện C, tìm tài sản để chiếm đoạt. Đến khoảng 02 giờ 30 phút ngày 27/9/2020, L quan sát thấy Lê Thị Kim H đang cùng đoàn người (đưa dâu đám cưới) đi bộ qua cầu “Hy Vọng A” thuộc tổ A, ấp L, trên tay trái của H có cầm túi xách màu tím, L nghĩ bên trong có tài sản nên đã dùng tay giật lấy túi xách của H rồi nhanh chóng bỏ chạy. H tri hô, được Trần Văn L1, Đinh Hoàng P đuổi theo khoảng 300m thì bắt giữ được L, trình báo Công an xã L đến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang; qua kiểm tra bên trong túi xách có số tiền 128.330.000 đồng (gồm 158 tờ mệnh giá 500.000 đồng, 139 tờ mệnh giá 200.000 đồng, 204 tờ mệnh giá 100.000 đồng, 22 tờ mệnh giá 50.000 đồng, 01 tờ mệnh giá 20.000 đồng, 01 tờ mệnh giá 10.000 đồng) và 01 điện thoại di động hiệu Itel 6120, màu vàng đồng - đen.

- Vật chứng thu giữ và xử lý vật chứng: 01 túi xách màu tím, phía trước có thêu hình 03 bông hoa, kích thước (24 x 25 x 10,5)cm; 01 điện thoại di động hiệu Itel 6120, màu vàng đồng - đen và số tiền 128.330.000 đồng, đã trả cho chủ sở hữu.

- Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 29/KL-HĐĐG.TTHS ngày 02/10/2020, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C: 01 (một) túi xách màu tím, phía trước có thêu hình 3 bông hoa, kích thước (24 x 25 x 10,5)cm, trị giá 30.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Itel 6120, màu vàng đồng - đen, trị giá 100.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 130.000 đồng.

Ngày 03/10/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Mới khởi tố, tạm giam L để điều tra, xử lý.

Tại Cáo trạng số 50/CT-VKSCM ngày 12 tháng 11 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới đã truy tố bị cáo Trần Ngọc L (L) về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên, xin Hội đồng xét xử xử phạt nhẹ.

- Bị hại bà Lê Thị Kim H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trương Văn T cung cấp lời khai như đã khai trong giai đoạn điều tra.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới truy tố bị cáo về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo xâm phạm quyền sở hữu của công dân; thể hiện sự xem thường pháp luật; gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Cho nên, cần xử phạt nghiêm, tương xứng với hành vi của bị cáo.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, đề nghị xem xét giảm nhẹ cho bị cáo khi lượng hình.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung, do bị cáo không có tài sản, thu nhập không ổn định nên đề nghị không áp dụng.

Về xử lý vật chứng, tài sản chiếm đoạt đã được trả cho chủ sở hữu nên đề nghị không đề cập xử lý. Về trách nhiệm dân sự, do bị hại không yêu cầu bồi thường nên đề nghị không đề cập giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chợ Mới, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, Kiểm sát viên được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được pháp luật tố tụng hình sự quy định. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo, bị cáo Trần Ngọc L khai nhận, do cần tiền tiêu xài nên bị cáo nảy sinh ý định tìm tài sản lấy trộm. Khoảng 23 giờ ngày 26/9/2020, bị cáo đi bộ từ nhà của bị cáo dọc theo đường liên xã K – L. Đến khoảng 02 giờ 30 phút ngày 27/9/2020, khi đến khu vực ấp L, xã L, huyện C, bị cáo quan sát thấy bà Lê Thị Kim H đang cùng đoàn người đang đi bộ trên đường qua cầu, trên tay của bà H có cầm túi xách. Do nghĩ bên trong túi xách có tài sản

nên bị cáo chạy theo, giật lấy túi xách của bà H rồi nhanh chóng bỏ chạy. Bà H tri hô nên nhiều người đuổi theo, bắt giữ bị cáo cùng túi xách, trình báo Công an đến xử lý. Qua kiểm tra, bên trong túi xách có số tiền 128.330.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu IteL.

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác gồm: biên bản tiếp nhận người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang ngày 27/9/2020 do Công an xã L lập; biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 27/9/2020 cùng sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường kèm theo do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Mới lập; lời khai của bà Lê Thị Kim H về việc bị bị cáo giật 01 túi xách, bên trong có số tiền 128.330.000 đồng và 01 điện thoại di động nên truy hô khi bà H cùng nhiều người khác đang di chuyển đến xe ô tô để đưa dâu vào khoảng 02 giờ 30 ngày 27/9/2020. Khi đó, ông Trần Văn L1, em Đinh Hoàng P (Đạt) đuổi theo bắt giữ bị cáo cùng tài sản bị chiếm đoạt; lời khai của ông Trần Văn L1, em Đinh Hoàng P (Đ), ông Trương Văn T, ông Lê Phước S về việc có cùng bà H di chuyển đến xe ô tô để đưa dâu vào khoảng 02 giờ 30 ngày 27/9/2020. Nghe bà H truy hô, ông L1, em P đuổi theo bắt giữ bị cáo cùng túi xách của bà H, bên trong có số tiền 128.330.000 đồng, 01 điện thoại di động và trình báo Công an xã L xử lý; lời khai của ông Trần Văn H, ông Nguyễn Văn B về việc nghe truy hô bị cướp nên ra xem và thì thấy em P, ông L1 khống chế bị cáo cùng tài sản bị chiếm đoạt.

Ngoài ra, lời khai của bị cáo còn phù hợp với vật chứng bị thu giữ gồm: 01 túi xách màu tím, 01 điện thoại di động hiệu IteL và số tiền 128.330.000 đồng.

Từ các chứng cứ trên, có cơ sở xác định, lợi dụng đêm khuya, sơ hở của bị hại, bị cáo công khai, nhanh chóng chiếm đoạt tài sản của bị hại rồi nhanh chóng tẩu thoát. Cho nên, hành vi của bị cáo đã đáp ứng mặt khách quan của tội cướp giật tài sản.

Về giá trị tài sản bị chiếm đoạt, theo Kết luận định giá tài sản số 29/KL-HĐĐG.TTHS ngày 02/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Chợ Mới, 01 túi xách màu tím trị giá 30.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu IteL 6120 trị giá 100.000 đồng. Cùng với số tiền 128.330.000 đồng, tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 128.460.000 đồng.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi công khai tiếp cận chiếm đoạt tài sản rồi nhanh chóng tẩu thoát là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện thông qua việc lợi dụng đêm khuya, cách thức bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt và sự thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp

với quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội:

Quyền được tôn trọng về sức khỏe và quyền sở hữu là những quyền thiêng liêng của mỗi cá nhân được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Trong lĩnh vực luật hình sự, những ai vì muốn xâm phạm quyền sở hữu mà có hành vi xâm phạm, đe dọa xâm phạm đến sức khỏe của người khác, đáp ứng quy định của pháp luật sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt.

Bị cáo là người đang ở tuổi lao động. Đáng lẽ, bị cáo phải tìm cho mình một công việc phù hợp để nuôi sống bản thân, gia đình nhưng vì hám lợi, bị cáo cướp giật tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu, an toàn về sức khỏe của người khác mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang cho những người dân sống xung quanh nơi xảy ra sự việc. Do đó, cần có hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bên cạnh đó, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo khi lượng hình.

[5] Về hình phạt bổ sung, do bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra giao trả lại cho bị hại 01 túi xách màu tím, 01 điện thoại di động hiệu Itel 6120 và số tiền 128.330.000 đồng bị chiếm đoạt là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên không đề cập xử lý lại.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Sau khi nhận toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt, bà H không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

*1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;*

*Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc L (L) phạm tội “Cướp giật tài sản”;*

*Xử phạt: Trần Ngọc L: 03 (ba) năm tù.*

*Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị tạm giữ, ngày 27/9/2020 (ngày hai mươi B, tháng chín, năm hai nghìn không trăm hai mươi).*

*2. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

*Buộc bị cáo Trần Ngọc L phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.*

*3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;*

*Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bà Lê Thị Kim H, ông Trương Văn T có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử P thẩm.*

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND H. Chợ Mới;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp;
- Nhà Tạm giữ Công an H. C;
- CQTHAHS Công an H. C;
- CQĐT Công an H. Chợ Mới;
- Chi cục THADS H. C;
- Bộ phận THAHS Tòa án;
- UBND cấp xã nơi BC cư trú;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thái Chí Bình**